

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LIÊN CHIỀU – TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **44/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 18 tháng 11 năm 2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU- THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thanh Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Huỳnh Thị Lệ**

2. Ông **Ngô Văn Sỹ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thái Trâm Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 315/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 09 năm 2019 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị L – Sinh năm 1987.

Địa chỉ: phòng 307 nhà E chung cư H, tổ 40, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

*** Bị đơn:** Ông Trương Minh Th – Sinh năm 1969.

Địa chỉ: phòng 307 nhà E chung cư H, tổ 40, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là Bà Nguyễn Thị L trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Trương Minh Th kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại tổ 40, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Trong thời gian chung sống vợ chồng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp và không tìm được tiếng nói chung. Ông Th đã lớn tuổi đã có con riêng với người vợ đầu, còn hai vợ chồng tôi sống với nhau đã lâu mà vẫn không có con. Hiện nay vợ chồng tôi đã sống ly thân không ai có trách nhiệm gì với nhau. Tôi không còn tình cảm với ông Th, mâu thuẫn của vợ chồng đã quá trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Trương Minh Th.

- *Về con chung, tài sản chung và nợ chung:* Không có.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trương Minh Th không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 25.09.2019; ngày 14.10.2019 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 14 tháng 10 năm 2019 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 18 tháng 11 năm 2019, bị đơn ông Trương Minh Th trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi và bà Nguyễn Thị L kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại phòng 307 nhà E chung cư H, tổ 40, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Quá trình chung sống vợ chồng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã. Năm 2018, bà L đi sang Đài Loan làm việc nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách và không còn yêu thương nhau. Bên cạnh đó, vợ chồng tôi sống với nhau 05 năm nhưng chưa có con và hiện sống ly thân không ai có trách nhiệm gì với nhau. Tôi không còn tình cảm thương yêu với bà L, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng không thể hàn gắn lại được, nay bà L yêu cầu được ly hôn thì tôi đồng ý.

- *Về con chung, tài sản chung và nợ chung:* Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp ly hôn giữa bà Nguyễn Thị L và ông Trương Minh Th thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên

hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại các Điều 208; 209; 210; 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, đương sự không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn ông Trương Minh Th vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung tranh chấp:*

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị L và ông Trương Minh Th có thời gian tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng vào năm 2014. Việc kết hôn giữa bà L và ông Th là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối và không trái với quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông Th là hợp pháp.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị L xác nhận trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Theo bà L thì nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp và không tìm được tiếng nói chung. Ông Th đã lớn tuổi, có con riêng với người vợ đầu, hai vợ chồng sống với nhau đã lâu mà vẫn không có con, hiện nay vợ chồng sống ly thân. Tại phiên tòa bà L khẳng định đã hết tình cảm với ông Trương Minh Th nên mong muốn được ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng ông Trương Minh Th không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, tại bản tự khai đề ngày 14 tháng 10 năm 2019 và đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 18 tháng 11 năm 2019, bị đơn là ông Trương Minh Th xác nhận quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn như bà L đã trình bày là đúng, vợ chồng sống với nhau 05 năm nhưng chưa có con, đã ly thân không còn yêu thương nhau và đồng ý ly hôn.

Qua đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông Trương Minh Th và bà Nguyễn Thị L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được, việc bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Trương Minh Th xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- **Về án phí:** Bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của Bà Nguyễn Thị L.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L – sinh năm 1987 được ly hôn với ông Trương Minh Th – sinh năm 1969.

Giấy Đăng ký kết hôn số 24/2014, quyền số 01/2014 ngày 13.03.2014 của Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) bà Nguyễn Thị L phải nộp, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0006405 ngày 03.09.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án:

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 18.11.2019.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát Liên Chiểu;
- Chi cục THADS Liên Chiểu;
- UBND phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu,
- Sở tư pháp;
- Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Thủy

